

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 15

1. Ưu-ba-ly cạo tóc cho Phật chứng được tứ thiên
2. Ca-chiên-diên độ bà lão bán nghèo sanh lên trời
3. Nhân duyên Nan-đà đắc đạo
4. Nan-đà có ba mươi hai tướng giống đức Phật
5. Tất-lăng-già-Bà-sai dùng thần túc cảm hoá nàng chần trâu
6. Bạt-đà-la chia vật cho hai trưởng lão, Phật nói bốn duyên
7. Ca lưu đà di giáo hoá phi thời đến nỗi mất mạng
8. A-nan và Phật đời trước làm bạn thân
9. A-nan làm thị giả và thọ trì kinh điển
10. Đức Phật giải mộng
11. A-nan bị mẹ chiên đà la dùng thần chú bắt giữ
12. Phật thọ ký đời sau của con bò cho sữa
13. A-nan cảm hoá vua Ba-tư-nặc cúng dường
14. A-nan thử Tỳ-kheo Sơn-hương, vấn nạn vua A-dục

1. ƯU BA LY CẠO TÓC CHO PHẬT CHỨNG TỨ THIÊN:

Thuở nọ đức Phật ở thành Xá-vệ, không ai dám cạo tóc cho Ngài, chỉ có một đồng tử Ưu-ba-ly dám làm việc đó. Lúc ấy cha mẹ của đồng tử đến trước Phật chấp tay thưa: “Bạch Thế Tôn, con của con có thể cạo tóc cho Ngài”. Nhưng vì thân của Ưu-ba-ly quá khom nên cha mẹ dạy cậu đứng thẳng người một tí, song chớ đứng thẳng quá làm sao cho hơi thở phát ra không thô tháo.

Ưu-ba-ly bạch Phật: “Con có thể đứng thẳng cạo tóc cho Ngài”.

Cha mẹ bảo: “Con đừng nên đứng thẳng quá”.

Phật nói: “Người khéo cạo tóc cho ta nhưng hơi thở vào còn quá thô”.

Cha mẹ cậu bảo: “Con chớ hít vào thô quá khiến Phật bất an”.

Phật dạy: “Con cạo tóc khéo nhưng hơi thở ra còn quá thô”.

Cha mẹ lại nhắc: “Con chớ thở ra quá thô khiến Phật bất an”.

Bấy giờ Ưu-ba-ly nhờ chú tâm theo dõi hơi thở ra vào mà chứng nhập được thiền thứ tư.

Đức Phật bảo A-nan: “nay Ưu ba ly đã vào thiền thứ tư, ông hãy đỡ lấy con dao trên tay cậu ta”.

A-nan vâng lời, đỡ lấy con dao và dùng dụng cụ đựng tóc cũ an trí tóc của Thế Tôn.

Đức Phật dạy: “Con không nên dùng bình cũ đựng tóc”.

Bấy giờ có vương tử Cù-ba-ly kéo quân chinh phạt nước khác, ông ta đến xin râu tóc của đức Phật, Ngài liền bằng lòng. Vương tử nhận được râu tóc nhưng không biết an trí nơi nào.

Phật dạy: “Ông hãy đặt những thứ đó vào trong tháp báu, tháp vàng, tháp bạc, dùng lụa màu, Y Lam-bà, Y Đầu-la gói lại”.

Wương tử lại hỏi: “Con không biết đem đi bằng cách nào?”

Phật dạy: “Ông hãy dùng voi ngựa, xe cộ, hoặc liền nhà vua, hoặc kiệu để chở đi, hoặc đội trên đầu, hoặc vác trên vai”.

Lúc đó vương tử đem tóc của Thế Tôn đi theo, nên chinh phạt được thắng lợi. Khi trở về nước, vương tử liền xây tháp thờ tóc Phật. Đó là tháp khi đức Thế Tôn còn tại thế.

Về sau các Tỳ-kheo đi đâu cũng mang theo vật đựng tóc của đức Phật trước đây để dùng.

Phật dạy: “Các ông không nên đội bình đựng tóc trên đầu, cũng không nên mang tháp đến nơi đại tiểu tiện”.

Do cung kính nên các Tỳ-kheo không dám ngủ chung với tháp mà đặt tháp nơi phòng khác.

Phật dạy: “Hãy đặt trên trụ cao, hoặc để ở cạnh đầu”.

(Trích luật Tứ Phần quyển ba)

2. CA CHIÊN DIÊN ĐỘ BÀ LÃO BÁN NGHÈO SANH LÊN TRỜI:

Ngày xưa ở nước A-bàn-đề có một trưởng giả giàu có, của cải nhiều vô số nhưng tham lam bòn xẻn, lại thêm độc ác, không chút từ tâm. Trong nhà có nuôi một người tớ gái, sớm khuya bị chủ sai làm việc không được nghỉ, hề có chút sơ suất liền bị ăn roi vọt. Áo mặc không đủ ấm, cơm chẳng đủ no, thân hình già yếu tiều tụy, bà muốn chết mà không được.

Một hôm bà cụ vừa xách bình ra bờ sông lấy nước, lại nhớ đến nỗi khổ đó nên cất tiếng khóc to. Lúc ấy tôn giả Ca-chiên-diên đi đến hỏi thăm bà: “tại sao cụ lại khóc?”

Bà cụ nghẹn ngào đáp: “thưa Tôn giả, tôi đã già rồi nhưng thường bị chủ sai làm công việc khổ nhọc, lại thêm nghèo khổ, cơm áo không đủ, muốn chết cũng chẳng được”.

Tôn giả hỏi: “Nếu như bà nghèo quá, tại sao bà không bán cái nghèo đi?”

Bà cụ hỏi lại: “Thưa tôn giả, cái nghèo có thể bán được ư? Ai sẽ mua đây?”

Tôn giả đáp: “Thật đấy, cái nghèo có thể bán được”.

Tôn giả nhắc đi nhắc lại ba lần như thế bà cụ mới đồng ý.

Tôn giả bảo: “Bà muốn bán cái nghèo thì phải nghe theo lời tôi”.

Bà đáp: “Thưa vâng”

Tôn giả bảo: “Trước hết bà nên tắm gội”.

Khi bà tắm gội xong, tôn giả lại bảo: “Bà hãy nên bố thí”

Bà cụ nói: “Thưa tôn giả, tôi quá nghèo khổ, hiện giờ tôi hoàn toàn không có thứ gì để bố thí, chỉ có cái bình này là vật của chủ nhà thì lấy gì mà bố thí đây?”

Tôn giả liền trao bát cho cụ bà và bảo: “Bà hãy mang bát này đi lấy một ít nước sạch”.

Bà cụ nghe theo, đi lấy nước về dâng cho tôn giả. Ngài nhận lấy bát nước và chú nguyện cho bà, sau đó dạy bà thọ trai. Tôn giả giảng cho bà nghe các công đức niệm Phật. Ngài hỏi: “Nay bà có chỗ ở không?”

Bà đáp: “Thưa không, bạch Tôn giả. Nếu lúc xay giã thì con nằm bên cối xay, nấu ăn hay làm các công việc thì tùy theo những chỗ đó mà nằm nghỉ. Lúc không làm việc thì ngủ ở đồng phân”.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói: “Khi bị sai khiến làm việc, bà hãy làm với tâm cung kính, cẩn thận chớ sanh lòng oán ghét. Sau đó chờ chủ và mọi người đi ngủ, bà hãy lặng lẽ mở cửa hông, tìm nơi kín đáo, trải cỏ sạch mà ngồi tư duy, quán niệm đức Phật, chớ sanh niệm ác”.

Bấy giờ bà lão vâng làm theo lời Tôn giả, vào cuối đêm ấy bà qua đời, thần thức sanh lên cõi trời Đao-lợi. Sáng ra, trưởng giả phát hiện bà đã chết, mới sai người dùng cỏ cột chân kéo thi thể bỏ trong rừng lạnh.

Cùng lúc ấy có vị thiên tử và năm trăm thiên nữ làm quyến thuộc, vì phước trời đã hết nên mạng chung. Bà cụ nghèo kia sanh lên trời và được thế vào nơi ấy.

Theo pháp sanh lên trời, nếu người có căn tánh lạnh lợi thì sẽ biết được duyên nghiệp đời trước của mình, còn người căn tánh chậm lụt thì

họ chỉ biết hưởng thú vui của cõi trời mà thôi.

Bấy giờ bà cụ này sanh lên trời cùng vui chơi với năm trăm thiên nữ mà không biết được nhân duyên gì mình được sanh lên đây.

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở cung trời Đao-lợi, Ngài biết được nhân duyên sanh lên trời của vị thiên tử này, nên đến hỏi: “Này thiên tử! Ông nhờ phước đức gì mà được sanh lên cõi trời này vậy?”

Thiên tử đáp: “Bạch Tôn giả, con không biết”.

Lúc ấy vị thiên tử nhờ nương vào đạo nhân của Tôn giả Xá-lợi-phất, thấy thân cũ của mình, nhờ tôn giả Ca-chiên-diên mà được sanh lên trời.

Bấy giờ vị thiên tử này lập tức dẫn năm trăm thiên nữ đi xuống rừng lạnh để rải hoa, đốt hương cúng dường tử thi, ánh sáng chiếu rực rỡ. Khi ấy trưởng giả kia nhìn thấy cảnh lạ lòng đó liền sai người hầu đến rừng xem xét. Họ nhìn thấy chư Thiên cúng dường tử thi, vội hỏi: “Đây là thi thể của kẻ nô tỳ hôi hám, khi bà ta còn sống mọi người không muốn nhìn thấy mặt, huống gì nay đã chết, tại sao chư Thiên lại cúng dường?”

Bấy giờ thiên tử bèn thuật rõ nguồn gốc của mình cho họ nghe.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển bảy)

3. NHÂN DUYÊN NAN-ĐÀ ĐẮC ĐẠO:

Bấy giờ đức Phật ngự ở thành Tỳ-xá-ly. Một hôm, có Nại nữ xinh đẹp, ngồi xe báu lộng lẫy đến chỗ Phật. Cô ta xuống xe ân cần thăm hỏi đức Như Lai. Lúc đó Nan-đà đi kinh hành cách Phật không xa, Nại nữ liền đi tới chỗ Nan-đà, lấy tay sờ vào chân Tôn giả và nói: “Thưa tôn giả, tôi là nại nữ đây”.

Ngay lúc đó, Nan-đà xúc động liền xuất tinh, nước tinh chảy xuống làm bẩn tay cô ta. Nại nữ lập tức đánh lễ, đến thưa với Phật: “Bạch Thế Tôn, người như vậy mà Ngài cho ở trong chúng sao?”

Phật đáp: “Người như thế nên cho ở trong chúng, vì sao? Bởi Nan-đà không bao lâu nữa sẽ thành tựu quả vô lậu”.

Nại nữ im lặng, bỏ đi. Nại nữ đi chưa xa, Phật bảo A-nan: “Ông hãy nhóm họp tất cả đại chúng Tỳ-kheo đến tại giảng đường”.

Khi đại chúng đã nhóm họp xong, đức Phật bảo: “Ta xét thấy trong chúng Tỳ-kheo, ai cũng phải có đủ quần áo lót để bó thân thể, đó là pháp các Tỳ-kheo cần phải học”.

Phật hỏi Nan-đà: “Này Nan-đà, tại sao ông lại để xảy ra trạng thái như vậy?”

Nan-đà trong lòng hổ thẹn thưa: “Bạch đức Thế Tôn, xin người hãy nói pháp cho con nghe. Sau khi nghe xong, con sẽ vào chốn thanh vắng để quán sát pháp như thật, an vui tu tập”.

Phật dạy: “Ông hãy quán thân này, tùy theo sở hành của nó mà quán sát từ đầu đến chân, cho đến tóc lông móng răng... bao nhiêu thứ không sạch chứa đầy dẫy trong thân ông. Hãy quán sát đúng như thật, xem nó là bất tịnh hay không bất tịnh? Hãy quán sát những thứ xấu xa đó, xem nó ở chỗ nào và từ đâu đến?”

Lúc ấy, Nan-đà nghe xong lời dạy ấy liền đánh lễ Phật rồi lui ra. Sau đó, Nan-đà tìm đến nơi thanh vắng, ngồi quán sát thân thể này từ đầu đến chân, biết bao nhiêu thứ bất tịnh. Ông thấy rõ từng chi phần, biết cả nguồn gốc nhóm họp và sanh ra nó. Ông nghĩ: “giờ ta phải xa lìa nó thì không còn tâm dâm dục”.

Nan-đà nói kệ:

*Dâm dục ta đã biết
Người từ ý tưởng sanh
Nếu ta không nghĩ đến
Thì làm sao có người?*

Bấy giờ Nan-đà ở chỗ thanh vắng tu tập và chứng đắc A-La-hán.
(Trích kinh Tăng Nhất A Hàm quyển chín, chương mười ba)

4. NAN-ĐÀ CÓ BA MƯƠI HAI TƯỚNG GIỐNG NHƯ ĐỨC PHẬT:

Vào buổi sớm, khi Phật vừa đắc đạo, toàn thân phóng ánh sáng chiếu khắp đại thiên. Các hàng người, trời, rồng, Bồ-tát trong mười phương đều đến nghe Phật nói pháp. Tất cả vô cùng vui sướng, tùy theo bổn hạnh của mình mà mỗi người đều chứng đạo quả. Riêng Nan-đà em Phật không chịu nghe theo, làm trái lời Phật dạy nhưng lại muốn tu hành. Nan-đà có ba mươi hai tướng đẹp. Ở trong hàng đệ tử, ông ôm bát đắp y Chân-việt, hình dáng giống như đức Phật. Vì thế, các Tỳ-kheo, những người chưa chứng đạo nhân từ xa trông thấy Nan-đà, họ đều làm lễ.

Phật bảo Nan-đà: “Từ nay về sau, ông không được đắp y Chân-việt nữa, phải đắp Ca-sa màu đen. Vì sao? Bởi ông làm trái với giáo pháp của ta mà nhận sự đánh lễ của các Tỳ-kheo, ông sẽ rơi vào địa ngục”.

(Trích kinh Thập Phần Thí Dụ quyển 4)

5. TẮT-LĂNG-GIÀ-BÀ SAI DỪNG THẦN TỨC CẢM HOÁ CÔ GÁI CHẶN BÒ:

Bấy giờ, tôn giả Tất-lăng-già-Bà-sai ở thành Vương xá. Một hôm đến giờ tôn giả theo thứ lớp đi khát thực, ngang qua nhà cô gái chặn bò. Nhìn thấy cô gái đang khóc ở trong nhà, tôn giả liền hỏi: “Vì sao cô khóc?”

Cô đáp: “Thưa tôn giả, hôm nay là ngày lễ, mọi người đều hội họp vui chơi, riêng con không có xiêm y đẹp nên không được tham dự”.

Lúc đó, tôn giả liền hoá ra các thứ y phục, đồ trang sức châu báu, anh lạc, vàng bạc cho cô gái rồi bỏ đi. Sau khi trang điểm xong, cô gái lên đường dự hội. Mọi người trông thấy liền hỏi: “Ở đâu cô có y phục này?”

Cô gái nói rõ nguyên nhân. Thế là tiếng đồn đến tai quốc vương, nhà vua cho gọi cô gái chặn bò và mời Tỳ-kheo Tất-lăng-già-Bà-sai đến. Vua hỏi tôn giả: “Ở đâu mà tôn giả có được những thứ y phục bằng vàng tốt đẹp, chẳng phải những thứ hiện có ở thế gian”.

Tôn giả liền cầm cây gậy đánh vào tường và gõ lên giường, tất cả đều hoá thành màu vàng óng. Tôn giả nói: “Những thứ gì mà cô gái thuộc giai cấp Thủ-đà-la này có được là đây vậy”.

Nhà vua nói: “thưa Tôn giả, Ngài có đại thần tức, xin mọi người hãy ra về.

(Trích luật Tăng Kỳ quyển 29)

6. BẠT NAN-ĐÀ PHÂN CHIA VẬT DỤNG:

Bấy giờ, đức Thế Tôn trụ tại nước Kiêu-tất-la, an cư với nhiều Tỳ-kheo. Các bạch y cư sĩ thấy chúng Tăng đông, nên cùng nhau xây dựng Tinh xá và sắm y cúng dường. Năm sau, đức Phật trở về an cư ở tinh xá Kỳ Hoàn. Nơi đó chỉ còn hai vị Tỳ-kheo trưởng lão, các cư sĩ thâm nghĩ: “Năm nay chúng ta sẽ cúng dường như năm trước để các vị được y còn chúng ta được nhiều phước đức”.

Thế là, nhiều người đem y và vật thực cúng dường hai vị trưởng lão. Hai vị thâm nghĩ: “Phần y và phẩm vật nhiều quá, nếu chúng ta chia nhau thì không biết có phạm tội gì không?”

Rốt cuộc họ không dám chia. Bấy giờ tôn giả Bạt-nan-đà đi du hóa khắp nơi, xem xét vật cúng dường nhiều hay ít. Hai vị trưởng lão từ xa trông thấy Bạt-nan-đà đến vội đứng dậy nghinh đón, mời ngồi và thăm hỏi.

Lúc đó Bạt-nan-đà hỏi: “Mùa an cư này chúng Tăng có được vật

cúng dường không?”

Hai vị trưởng lão đáp: “thưa có”.

Bạt-nan-đà hỏi: “Đã chia chưa?”

Đáp: “Dạ chưa”.

Hỏi: “Tại sao chưa chia?”

Trưởng lão đáp: “Vì y và phẩm vật nhiều quá mà chúng tôi thì ít người. Nếu chia không biết sẽ phạm tội gì?”

Bạt-nan-đà nói: “Các vị chưa chia thì tốt”.

Hai vị trưởng lão thưa: “Tôn giả có thể chia được không?”

Đáp: “được”.

Bạt-nan-đà lại bảo: “Trong việc này chúng ta phải tác pháp yết ma, không nên chia ngang”.

Bấy giờ hai vị trưởng lão đem tất cả y vật đặt trước Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà đem y chia thành ba phần và bảo: “Hai vị mỗi người một bên, riêng tôi ngồi đồng giữa”.

Bạt-nan-đà lại bảo: “Các vị trưởng lão hãy nhứt tâm nghe yết ma, hai vị một phần y gọi là ba, tôi hai phần y gọi là ba, yết ma như vậy có thành không?”

Đáp: “Thành”.

Bạt-nan-đà lại bảo: “Hai vị hãy gói y lại rồi vác đi”.

Hai vị trưởng lão nói: “Phần y này chúng tôi chưa chia, làm sao đem đi?”

Bạt-nan-đà bảo: “Nếu nay ta chia giúp các ông thì lựa một y tốt ở trong đó dành cho người biết pháp rồi sau đó sẽ chia ra”.

Trưởng lão đáp: “Chiếc y tốt này dành cho Tôn giả”.

Bạt-nan-đà liền đem chiếc y tốt để sang một bên còn các y khác chia thành hai phần cho hai trưởng lão. Chia xong, Bạt-nan-đà gói y và phẩm vật lại vác về Tinh xá Kỳ Hoàn. Các Tỳ-kheo đi kinh hành từ xa trông thấy Bạt-nan-đà đến, họ bảo nhau: “Bạt-nan-đà không biết xấu hổ, có thấy nghe nghi tội, người nhiều ham muốn không chán đã đến kia. Đợi Bạt-nan-đà đến gần, mọi người liền hỏi: “Này Bạt-nan-đà, người từ đâu về mà được nhiều thứ y vật như thế?”

Bạt-nan-đà trình bày cho mọi người nghe sự việc trên. Trong đó có vị Tỳ-kheo hành hạnh đầu đà, ít tham muốn biết đủ. Khi vị này nghe được việc ấy thì cảm thấy không bằng lòng, trách mắng Bạt-nan-đà đủ điều: “Tại sao ông mang danh Tỳ-kheo mà lại cố đoạt lấy vật của hai trưởng lão?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem sự việc bạch Phật, Ngài cũng trách

mắng Bạt-nan-đà đủ điều và nói với các Tỳ-kheo: “Ông Bạt-nan-đà chẳng phải chỉ trong đời này đoạt lấy đồ vật của hai vị trưởng lão kia mà trong đời quá khứ đã từng làm như thế, bên một khúc sông có hai con rái cá thường bơi ở giữa dòng. Một hôm, hai chú rái cá này bắt được một con cá chép nhưng không biết chia sao cho đồng. Lúc ấy, Dã can ra sông uống nước. Dã can trông thấy hai chú rái cá liền hỏi: “Này các cậu đang làm gì thế?”

Rái cá nói: “Ông ơi! Chúng tôi bắt được con cá lớn này nhưng không biết phải chia sao cho đồng, ông có thể chia dùm được không?”

Dã can liền đáp: “Được, việc phân chia phải căn cứ trên sách vở chứ không thể làm bừa được.”

Bấy giờ Dã can chia cá thành ba phần, phần đầu, phần đuôi và phần giữa nhiều mỡ và thịt. Chia xong, Dã can hỏi: “Trong hai cậu đây, ai thích bơi gần bờ?”

“Tôi đây”! Rái này đáp

Dã can lại hỏi: “Ai thích lội vào nước sâu”.

“Tôi đây”! Rái kia đáp

Bấy giờ Dã can bảo: “Các cậu nên lắng lòng nghe, trong kinh sách ghi: “Ai đi gần bờ thì sẽ được phần đuôi, ai thích lội vào nước sâu thì sẽ cho phần đầu, còn lại phần giữa dành cho người biết cách chia”.

Xong xuôi, Dã can liền ngậm phần giữa con cá chép về nhà, vợ đã can thấy chồng mang cá về thì hỏi: “Cá chép này ở đâu mà có?”

Dã can đáp: “Có kẻ ngu si, không biết xử việc nên ta đổi gạt mà có được”.

Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, hai con rái cá trước kia nay là hai vị Tỳ-kheo trưởng lão, còn Dã can chính là Bạt-nan-đà”.

(Trích luật Thập Tụng, phần Thiện Tụng quyển ba, luật Tăng Kì cũng giống như vậy)

7. TAI HẠI CỦA SỰ GIÁO HOÁ PHI THỜI:

Bấy giờ đức Phật ở nước Xá-vệ. Lúc đó tôn giả Ca-lưu-đà-di đã chứng được quả A-La-hán, tôn giả thâm nghĩ: “Trước đây ta còn ở trong bọn Lục quần Tỳ-kheo, thường làm vẩn đục tâm niệm các vị cư sĩ ở nước Xá-vệ. Giờ ta nên quay lại giáo hoá cho họ được thanh tịnh”.

Tôn giả liền trở về, độ được gần một ngàn nhà cư sĩ. Có nhà, chồng đắc đạo, hoặc có nhà thì vợ đắc đạo, số nhiều chẳng thể tính kể.

Bấy giờ, ở thành Xá-vệ có nhà Bà-la-môn. Nhà này đáng dùng thân Thanh-văn để độ, Tôn giả Ca-lưu-đà-di thâm nghĩ: “Nay ta hãy

đến độ nhà Bà-la-môn này”.

Lúc ấy, trong thành Xá-vệ tổng cộng có một ngàn nhà. Sáng sớm, tôn giả ôm bát vào thành khát thực. Khi đến nhà Bà-la-môn này thì người chồng đi vắng, vợ ông ta đóng cửa chiên bánh. Tôn giả nhập định, dùng thần lực đi qua lớp cửa rồi mới ra hiệu. Người vợ của Bà-la-môn quay đầu ra nhìn thấy tôn giả, nhưng cửa vẫn còn đóng. Bà nghĩ: “Sa-môn này vào ngõ nào đây? Chắc là vì tham bánh của ta nên cố lén vào xin, ta nhất định không cho. Giả sử ông ấy làm cho mất lỗi ra, ta cũng không cho”.

Tôn giả dùng thần lực làm cho hai mắt lồi ra. Bà suy nghĩ: “Dù cho mắt ông ta lồi ra như cái chén thì ta cũng không cho”.

Tôn giả liền dùng thần lực làm y như thế. Bà ta lại nghĩ: “Dù cho ông ta đứng chống đầu xuống đất thì ta cũng không cho”.

Tôn giả cũng vận thần lực làm y như vậy. Bà lại nghĩ: “Dù ông ta có chết đi, ta cũng chẳng cho đâu!”

Tôn giả liền dùng thần lực nhập diệt thọ tướng định, bật các nguồn tâm tưởng, không còn hay biết gì nữa. Lúc đó, vợ của vị Bà-la-môn dùng sức kéo xô Ngài nhưng thân cũng chẳng nhúc nhích. Bà ta sợ quá liền nghĩ: “Sa-môn thường vào cung vua Ba-tư-nặc là thầy của Mạt-lợi phu nhân, nếu như họ nghe tin có Sa-môn chết ở nhà ta thì hẳn chúng ta sẽ bị nguy to, và ước ao: “Nếu ông sống lại thì ta sẽ cho một cái bánh”.

Tôn giả Ca-lưu-đà-di liền xuất định, thân thể linh hoạt như thường. Lúc đó, nhìn thấy bánh của mình nướng vừa đẹp lại vừa ngon, bà ta cảm thấy tiếc, không muốn cho. Bà liền lấy cái chảo ở bên cạnh, làm lại một chiếc bánh nhỏ hơn. Thế nhưng, khi bà bỏ lên chiên thì chiếc bánh lại càng to đẹp hơn. Thấy vậy, bà liền lấy chiếc bánh nướng trước kia cho Ngài, nhưng vừa cầm lấy một chiếc thì những chiếc khác dính vào nhau.

Tôn giả nói: “Tuỳ ý, chị muốn cho bao nhiêu cũng được”.

Bà liền cầm bốn chiếc bánh đưa cho tôn giả, nhưng tôn giả không lấy và nói: “Tôi không cần bánh này. Nếu chị muốn cúng thì mang đến Tinh xá Kỳ hoàn cúng dường cho chúng Tăng.

Người phụ nữ này do đời trước đã gieo trồng căn lành nên tự nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này thật sự không tham bánh, chỉ vì xót thương ta nên đến khát thực”.

Thế là bà mang hết cả rổ bánh đi vào Tinh xá Kỳ hoàn, cúng dường cho chúng Tăng. Sau khi cúng xong, bà đến ngồi trước mặt tôn giả Ca-lưu-đà-di. Bấy giờ tôn giả quán nhân duyên đời trước của bà,

rồi thuyết pháp cho bà nghe. Nghe xong, bà xa lìa trần cấu chứng được pháp nhãn thanh tịnh, bà xin quy y Tam bảo, làm vị Ưu-Bà-di.

Bấy giờ, bà trở về nhà, cùng lúc người chồng cũng vừa về đến. Bà đem mọi sự kể cho chồng nghe và nói: “Giờ tôi đã chứng được quả Tu-đà-hoàn, ông hãy đến đó”.

Nghe vợ nói, Bà-la-môn này lập tức đến chỗ tôn giả Ca-lưu-đà-di. Nghe được pháp mầu, ông ta cũng chứng được đạo nhãn thanh tịnh, làm vị Ưu-Bà-tắc.

Từ đó, cả hai vợ chồng thường dốc hết sức lực và tài của cúng dường cho tôn giả. Đến lúc ông bà mạng chung vẫn còn dặn dò đứa con phải cúng dường y như trước. Người con vâng lời, như pháp cúng dường.

Ít lâu sau, vợ của người con ở nhà dệt vải còn chồng đi làm. Một hôm, người vợ trông thấy tên đầu đảng cướp khôi ngô tuấn tú. Cô ta liền gọi người hầu đến và nói: “Người hãy gọi ông ta đến đây cùng vui vẻ với ta”. Lúc đó, tôn giả Ca-lưu-đà-di đến nhà cô khát thực và nói pháp cho cô nghe về lỗi dâm dục, quả trách về tội phá giới. Cô sanh lòng nghi, sợ Ngài biết việc xấu này sẽ nói lại với chồng, mới tìm cách giả bệnh, mời tôn giả ở lại. Tôn giả ở lại nói pháp, cô cố giữ tôn giả đến mặt trời lặn. Lúc đó Tôn giả đứng dậy đi tới đồng phân, tên đầu đảng cướp rút dao bén chặt đầu tôn giả rồi vùi thi thể trong đồng phân. Đến giờ thuyết giới, chúng Tăng phát thẻ dư một chiếc. Ai nấy lần lượt hỏi thăm. Đức Phật bảo: “Ca-lưu-đà-di đã nhập Niết-bàn rồi”.

Đêm trôi qua, trời vừa sáng, đức Phật cùng chúng Tăng vào thành Xá-vệ, đến chỗ đồng phân. Đức Phật vận thần lực khiến cho tử thi bay vọt lên hư không. Các Tỳ-kheo đón lấy thi thể đặt lên giường, mang ra ngoài thành hoá thiêu, xây tháp cúng dường.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc hay tin Tôn giả Ca-lưu-đà-di chết trong nhà Bà-la-môn, lập tức ra lệnh giết sạch bảy đời của họ và mười nhà xung quanh, đồng thời lấy hết tài sản của vùng đó, bắt năm trăm tên cướp chặt hết tay chân, đem bỏ vào trong hầm ở Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo đi khát thực nghe việc ấy, mới về bạch Phật. Ngài dạy: “Tội lỗi đó đều do phi thời vào thôn xóm”.

(Trích luật Thập Tụng, luật Tam Tụng quyển bốn)

8. A NAN VÀ PHẬT ĐỜI TRƯỚC LÀ BẠN THÂN:

Bấy giờ đức Phật du hoá ở nước Ba-la-nại. Một hôm Ngài ngồi dưới cội cây, hoan hỷ mỉm cười, phóng ra hào quang năm sắc. Thấy vậy,

Tôn giả A-nan quỳ xuống hỏi nguyên do. Phật bảo: “Thuở xưa, vào thời Phật Ca-diếp, nơi này có Tinh xá, trong đó có hai ngàn vị Sa-môn, đức Phật Ca-diếp thường giảng chánh pháp cho họ nghe”. A-nan liền trải giường đây, rồi quỳ xuống thỉnh: “Mời đức Thế Tôn ngồi để vùng đất này có phước, được hai vị Phật xuất hiện.

Sau khi Phật an tọa xong, Ngài đưa tay chỉ ở phía xa: “Ở kia có huyện lớn, tên là Duy-lăng. Thuở đó có một người thợ gốm tên Hoan-dự, là người nhân từ, nhiều lần đến chỗ đức Phật, nghe Ngài thuyết pháp. Tuy ông ta là thợ gốm, nhưng chưa từng đào đất vì sợ tổn hại trùng kiến. Ông chỉ lấy đất rơi rải ở bờ đê và nơi bị chuột đào hư hoại đem hoà vào nhau làm bình để đổi gạo cơm, nhiều hay ít tùy theo người trao đổi chứ ông ta chưa hề tranh giá cả. Thức ăn đổi được, ông đem về phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ ông đã già yếu, thiếu thốn lại mù loà. Lòng hiếu thảo của Hoan-dự thật khó sánh.

Vào một buổi sớm, đức Phật Ca-diếp đắp y mang bát vào thành, đến nhà Hoan-dự hỏi cha mẹ ông: “Hiếu tử đi đâu rồi?”

Ông bà đáp: “Đệ tử Phật vừa đi ra ngoài. Nhà có cơm canh ngon, xin được cúng dường Ngài”.

Đức Phật dùng bát sốt lấy cơm canh, ngồi xuống ăn xong rồi từ giã ra đi. Khi người con trở về, nhìn thấy cơm canh có phần với bột, mới hỏi: “Mẹ ơi, ai đã lấy thức ăn này vậy?”

Cha mẹ đáp: “Đức Phật đến nhà ta khát thực, Ngài tự lấy cơm canh, ăn xong và đã đi rồi”.

Hoan-dự bồi hồi, buồn vui lẫn lộn, than thở: “Đức Phật là đấng Như Lai vô sở trước chánh đẳng chánh giác, bậc thầy của trời người. Chư Thiên, vua chúa cúng dường thức ăn ngon, nhưng vẫn còn sợ không dám dâng lên đức Thế Tôn. Ta ở nơi nghèo hèn, thức ăn không ngon nhưng Ngài lại xót thương sự nghèo hèn của ta nên tự đến lấy thức ăn.

Nỗi buồn vui kết tụ, Hoan-dự dập đầu xuống đất, tưởng nhớ ân đức Phật độ khắp nơi như thế, ông ta vui mừng đến nỗi quên ăn cả nửa tháng. Cha mẹ nhân đó cũng vui mừng, quên ăn bảy ngày. Hơn một tháng sau, đức Phật lại đến nhà Hoan-dự. Nhưng ông ta cũng không có ở nhà, Ngài lại lấy thức ăn, ăn xong mới đi. khi Hoan-dự trở về nhà, cha mẹ kể lại việc ấy, cha mẹ và chàng vì quá vui mừng nên quên ăn số ngày như trước. Bấy giờ bỗng làm mưa, ngày đêm không dứt, làm cho Tinh xá bị hư dột.

Phật bảo các Sa-môn: “Hoan-dự mới làm nhà, các ông hãy đến xin ngôi của ông ta về lợp Tinh xá.

Các vị Sa-môn đến, Hoan-dự lại vắng nhà, cha mẹ chàng hỏi: “Ai dỡ ngói nhà tôi vậy?”

Sa-môn đáp: “Tinh xá của Phật bị hư đột, Ngài bảo chúng tôi đến lấy ngói của nhà này để sửa lại tinh xá”.

Cha mẹ Hoan-dự đáp: “Tốt quá, con tôi phước đức nhiều nên mới được như vậy”.

Rồi họ cúi đầu vui vẻ, thưa: “Xin các vị cứ lấy nhiều đi để cho tôi được phước vô lượng”.

Các vị Sa-môn vừa đi khỏi, Hoan-dự về đến trông thấy sự việc, mới hỏi: “Ai dỡ ngói nhà mình vậy?”

Cha mẹ chàng đáp: “Tinh xá của đức Phật bị mưa đột, Ngài sai các vị Sa-môn đến, lấy ngói về lợp lại”.

Hoan-dự hưởng về tinh xá Phật, cúi đầu sát đất, nói: “Thế Tôn trí tuệ vô lượng, đế vương, chư hầu xây cung điện bảy báu cúng dường nhưng Ngài không ở, lại lấy thứ ngói xấu xí này, chỉ vì muốn ban phước cho con”.

Lòng ông ta vui mừng khoan khoái, quên ăn, quên uống như trước.

Bấy giờ đức Phật dẫn năm trăm vị Sa-môn vào vương quốc. Nhà vua nước này tên là Chỉ-duy, đích thân nghinh đón Phật. Nhà vua xuống xe, chỉnh đốn oai phong, làm lễ chào hỏi.

Sau khi nghe Phật thuyết kinh xong, nhà vua thỉnh cầu: “Xin đức Thế Tôn cùng các vị Sa-môn hạ cố đến hoàng cung dùng bữa cơm đạm bạc”.

Đức Phật im lặng nhận lời. Sau khi đã chuẩn bị xong các thức ăn ngon, nhà vua sai người đến thỉnh Phật. Ông ta rửa tay, đích thân dâng thức ăn cúng dường và đánh lễ Ngài.

Thọ trai xong, nhà vua đến ngồi trước Phật. Ngài dạy: “Xưa kia, nhà vua đã phụng sự Tam bảo, ngày nay nhận được phước ấy, sanh vào cõi người, bỏ thân nữ làm nam, được ngôi vị cao quý ở thế gian. Thông thường phép làm vua, phải lấy lời dạy của Thánh nhân để chế ngự tâm mình, đem lòng khoan dung, chăm sóc cho dân chúng. Lời uỷ mị là ngọn lửa thiêu đốt quốc gia, đại vương nên cẩn thận”.

Nhà vua cúi đầu nhận lời dạy bảo. Vua còn thỉnh Phật ở lại suốt ba tháng để ông ta đem giường bảy báu, mừng màn, mền nệm, thuốc men dâng cúng hết các thứ báu ở trong nước, nhưng Phật chưa chấp nhận. Nhà vua trầm nghĩ: “Sự cúng dường tối thượng đó còn ai hơn ta!”

Đức Phật biết ông ta có tâm cống cao, Ngài bảo: “Có người hơn

nhà vua, sự cúng dường của ông ta thật là vô lượng”.

Vua hỏi: “Xin Thế Tôn cho con được nghe tên người đó”;

Phật bảo: “Ở huyện Duy-lăng có người con hiếu thảo, tên Hoan-dự, thờ phụng Tam bảo, cúng dường chư Phật, lãnh thọ chánh pháp của ta. Ông ta có lòng khoan dung, nhìn người bình đẳng, dưỡng nuôi vạn vật, tâm thành trong sạch, việc làm chân thật, không giữ của báu, chuyên làm đồ gốm, bán nuôi cha mẹ, không tranh giá cả, nhẫn nhục từ bi, lấy đạo làm tâm, vui sách Thánh hiền, không dám cưới vợ, sợ vợ bất hiếu, hỗn với cha mẹ. Mỗi lần Hoan-dự đi đến chỗ Phật, lắng lòng nghe pháp, trình bày nỗi khổ, đó là vì thương cha mẹ mù loà, không được thấy Phật. Nhắc đến điều ấy thì ông ta rơi lệ. Phật lấy thức ăn của cha mẹ ông, lại đến tháo gói, thế mà cả nhà không chút oán hận, lại còn vui vẻ, quên cả đói khát đến hơn nửa tháng. Đó mới là người chí nhân chí hiếu, công đức khó sánh. Giờ đây Như Lai phải đi giáo hoá khắp trong thiên hạ, không thể nhận lời cầu thỉnh của vua”.

Nghe lời ấy xong, nhà vua thầm giận. Đức Phật lại nói: “Luận về công đức, người kia trong sạch, lại có tín tâm, hạnh hiếu khó bì, chăm sóc chu đáo, chưa từng bất hiếu, nghĩ nhớ ân đức cha mẹ nuôi dưỡng, hạnh ấy ai bằng! Chẳng phải là điều mà mọi người sánh kịp”. Nhà vua khen ngợi: “Hay thay! Hoan-dự chí hiếu, được Phật tán dương công đức tốt đẹp đến mức như thế. Giờ đây Trẫm sẽ cung cấp lương thực để giúp ông ta dưỡng nuôi cha mẹ”.

Sau khi nói kinh xong, đức Phật từ già, lên đường giáo hoá. Nhà vua sai sứ chở theo năm trăm xe lương thực, dầu xoa, đề hồ, thạch mật và các thứ châu báu đến nhà Hoan-dự. Với sự khiêm cung chân thành, sứ giả nói: “Đức Thế Tôn nhiều lần ngợi khen hiền giả là người chí hiếu, hạnh từ vang khắp. Nay, đại vương lòng hoan hỉ, sai tôi kính đem quà đến biếu, xin hiền giả hãy nhận những vật này để phụng dưỡng cha mẹ và cúng dường đức Phật”.

Hoan-dự đáp: “Cảm ơn đại vương đã có lòng thương tưởng giúp đỡ tôi”.

Bấy giờ sứ giả trở về cung, thuật rõ ý của Hoan-dự cho nhà vua nghe.

Lúc đó con của Phạm chí ở cùng huyện tên là Hoa-kết, trước nay cùng Hoan-dự kết làm bạn thân. Hai người đã nhiều kiếp kết thân, hưởng dẫn thành tựu cho nhau, lâu đời càng sâu đậm.

Một hôm cả hai cùng tắm trong dòng sông lớn, từ xa trông thấy cội cây to, Hoan-dự chỉ: “Như Lai Ca-diếp hiện đang ở đó, chúng ta

cùng nhau đến yết kiến Ngài, Phật đạo khó gặp, lẽ nào ta không mong mỗi sao?”

Hoan-dự lại bùi ngùi nói: “Ở đời khó gặp Phật, như loài hoa Ưu-đàm, trải qua nhiều kiếp mới nở một lần, há lại bỏ qua!”

Hoan-dự liền kéo áo bạn, đến chỗ đức Phật. Hoan-dự cúi đầu đánh lễ còn Hoa-kết chỉ vái chào rồi ngồi xuống. Hoan-dự thưa: “Hoa-kết là bạn thân của con, mê lầm chưa tỉnh, xin Ngài hãy giải trừ mối nghi cho bạn ấy”.

Đức Ca-diếp tùy theo bệnh mà nói pháp, Hoa-kết tỏ ngộ, kính tin Tam bảo. Cả hai đều hoan hỉ cúi đầu từ giả đức Phật. Trên đường về, Hoa-kết nói: “Thế gian may mắn có Phật, diệt trừ xấu xa. Sao bạn không xuất gia làm Sa-môn?”

Hoan-dự đáp: “Cha mẹ tôi tuổi đã xế chiều, lại còn mù loà, trông cậy vào tôi để sống qua ngày. Vì vậy tôi không thể xuất gia”.

Hoa-kết nói: “Tôi sẽ làm Sa-môn”.

Hoan-dự liền đem sự việc thưa với Phật, Ngài thấu nhận và truyền trao giới pháp cho Hoa-kết. Nhiều năm về sau, Hoa-kết thác sanh lên cõi trời thứ tư. Từ cõi trời hạ sanh xuống cõi người, tu chứng thành Phật.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hoa-kết bấy giờ nay chính là thân ta, Hoan-dự là A-nan. A-nan là người bạn tốt, đưa ta đến chỗ đức Phật Ca-diếp nghe kinh, khiến cho ta được thành Phật. Thông thường, người bạn tốt là nền tảng của muôn phước, hiện đời giúp ta thoát khỏi lao ngục của nhà vua, khi chết đóng được cánh cửa Tam đồ, lên trời đắc đạo. Những việc đó đều do sự giúp đỡ của bạn hiền.

(Trích kinh Hoan-dự)

9. A NAN LÀM THỊ GIẢ VÀ THỌ TRÌ KINH ĐIỂN:

Phật bảo Ngài Văn Thù: “Từ khi ta thành Phật đến nay đã hơn ba mươi năm, hiện giờ trong chúng đây, ai có thể thọ trì mười hai bộ kinh và hầu hạ ta, không để mảy may sơ suất, bản thân của người đó không đánh mất điều lợi”.

Năm trăm vị A-La-hán đều thưa: “Chúng con có thể làm”.

Nhưng Phật từ chối: “Các ông không thể làm được”.

Tôn giả Mục-liên quán thấy ý Như Lai hướng về A-nan nên Tôn giả nhiều lần khuyên A-nan nhận lời. A-nan nói: “Thân tôi dơ bẩn lại yếu đuối, không kham nổi việc hầu hạ. Nếu đức Như Lai đồng ý ba điều thỉnh cầu của tôi, tôi sẽ vâng theo việc chúng Tăng giao phó:

Khi Như Lai ban cho y cũ, tôi được phép không nhận.

Khi Như Lai nhận lời đàn việt thỉnh thọ trai riêng, cho phép tôi không đi theo.

Cho phép tôi được ra vào chỗ của đức Phật không hạn chế giờ giấc”.

Ngài Văn thù nói: “Hay lắm! A-nan dự đoán sẽ có sự ganh tỵ xảy ra nên xin như thế”.

Hơn hai mươi năm qua, A-nan hầu Phật đầy đủ tám pháp, không thể nghĩ bàn, đó là:

1. Không nhận lời thỉnh thọ trai riêng.
2. không nhận y phục cũ.
3. Đến đúng giờ giấc.
4. Tuy A-nan có đầy phiền não nhưng theo Phật ra vào những nhà giàu sang, chỗ vua chúa, thấy các người nữ không hề sanh dục tâm.
5. Phật tuyên giảng mười hai bộ kinh, A-nan vừa nghe qua không hề hỏi lại, như nước rót từ bình này sang bình kia.
6. Biết được tâm trí của người khác như Phật nhập định.
7. Chưa được Nguyện-trí nhưng có thể hiểu biết người hiện đời đắc tứ quả có Hậu-đắc-trí.
8. Lời mật nghĩa đều có thể hiểu biết.

Cho nên Phật thường khen ngợi ông ta là Đa văn. Đồng thời, A-nan có đầy đủ tám pháp có thể thọ trì mười hai bộ kinh.

1. Tín căn kiên cố.
2. Tâm rất dũng mãnh.
3. Thân không bệnh hoạn.
4. Thường siêng năng tinh tấn.
5. Trí nhớ rất tốt.
6. Tâm không kiêu mạn.
7. Thành tựu định ý.
8. Nhờ nghe pháp sanh được trí tuệ

(Trích kinh Bồ-tát Tùng Đâu Suất Thiên Hạ.)

(Kinh Hiền Ngu ghi: A-nan xưa kia làm vị trưởng giả, đức Thích Ca làm Sa-di theo thầy tụng kinh. Vì phải khát thực nên công phu không trọn. Trưởng giả thương tình vẫn cung cấp y thực đầy đủ. Do đó nhiều đời theo hầu cận người mình giúp đỡ.)

10. ĐỨC PHẬT GIẢI BẢY ĐIỀU MỘNG:

Đức Phật đang ở trong vườn Kỳ-thọ, Tôn giả A-nan ở nơi khác

mộng thấy bảy việc, vì quá lo sợ nên tôn giả đến bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, hôm qua con nằm mộng thấy bảy điều như sau:

1. Tất cả sông ngòi biển cả đều bị lửa cháy.
2. Mặt trời sắp lặn làm tối tăm cả cõi Diêm-phù-đề, con thấy đầu mình đội núi Tu-di.
3. Chúng Tỳ-kheo nhốn nháo trong nhà xí, bỗng thấy có một người vượt qua đầu các Tỳ-kheo thoát ra ngoài.
4. Con thấy các Tỳ-kheo pháp y không đầy đủ, chỉ còn dây buộc Ca-sa, tay cầm ngọn đuốc lớn, vui vẻ đi vào đường tà, y phục bị gai góc xé rách nát.
5. Con lại thấy cây Chiên-đàn cao lớn, xum xuê, những con heo từ nơi chỗ nhờ uế chui lên, lau liếm vào thân cây Chiên-đàn.
6. Con lại thấy có ba chú voi con, khi lớn lên chúng dẫm đạp cỏ ngon, quấy động làm dơ nước sạch. Voi lớn thấy vậy buồn phiền bèn bỏ đi, đến nơi có cỏ ngon nước sạch. Voi con vì ham vui đùa không hay biết, vẫn ở chỗ cũ cho đến lúc hết cỏ và nước, chúng trở nên đói khát, khổ cực. Vì vậy, chúng cạp vào gốc cây, cuối cùng đói quá mà chết.
7. Con lại thấy sư tử chúa tên là Xí-tát đã qua đời, đầu mọc lông trắng như buộc đồ trang sức, ruồi nhặng bu quanh, muông thú không dám đến gần. Trong thân sư tử tự nhiên sanh giòi, giòi lại ăn thịt của sư tử.

Vì nằm mộng thấy như thế nên sáng nay con đến đây thưa với Phật.

Phật giải mộng:

1. Điềm mộng thấy ở trong nước mà có lửa bốc lên, đó là Tỳ-kheo đời sau vi phạm giới pháp của ta, làm những việc thị phi trái với giới luật, lợi dụng để tìn thí cúng dường lại còn khởi sự tranh đấu lẫn nhau.
2. Điềm mộng thấy mặt trời sắp lặn, cõi đời tối tăm, đầu ông lại đội núi Tu-di, đó là trong vòng chín mươi ngày nữa ta sẽ vào Niết-bàn. Sau đó chúng Tỳ-kheo, trời, người, rồng sẽ theo ông thọ học kinh điển.
3. Mộng thấy Tỳ-kheo đắp pháp y không đúng theo pháp thường chế, chỉ buộc Ca-sa, lăn lộn trong nhà xí, rồi có người leo qua đầu, thoát ra vùng đất sạch. Đó là sau khi ta nhập Niết-bàn, Phật pháp sắp diệt sẽ có các Tỳ-kheo mở đại hội thuyết kinh. Trong khi Phật pháp thâm diệu mà không lo tu tập, họ lại lo gần gũi hàng cư sĩ để tìm cầu, tiền tài, sắc đẹp, khiến cho cư sĩ chê trách và không còn niềm tin nữa. Bấy giờ, hàng Tỳ-kheo gánh lấy ác quả còn cư sĩ thì được phước.
4. Điềm mộng thấy Tỳ-kheo thân mặc Ca-sa, tay cầm đuốc lửa,

vui chơi trong đường tà, vào nơi gai góc bị xé rách y phục. Đó là sau ta nhập Niết-bàn sẽ có Tỳ-kheo không mang pháp y, lại mặc y phục của thế gian. Họ chỉ dùng Ca-sa buộc dưới nách, bỏ giới luật mà vui theo thế gian, nuôi chứa vợ con. Khất thực khi có thì vui vẻ, khi không thì sầu khổ.

5. Mộng thấy cây chiên đàn lớn, xum xuê tươi tốt, có đàn heo từ nơi bần thỉu chui ra, lau liếm vào thân cây. Đó là sau khi ta vào Niết-bàn sẽ có Tỳ-kheo không vâng theo giới pháp, rượu thịt mê man, uống ăn trái thời. Lúc đó có kẻ thông minh khéo biết thì lại khởi tâm phỉ báng, mắng nhiếc bậc A-La-hán.

6. Mộng thấy ba chú voi con cùng nhau húc voi lớn, dẫm đạp cỏ non, quấy đục nước sạch, voi lớn buồn phiền nên tránh đi, đến nơi có cỏ non nước sạch. Các chú voi con vì mãi vui chơi không biết, cỏ nước hết sạch đành chịu chết đói. Đó là sau khi ta vào Niết-bàn, có Tỳ-kheo trưởng lão hiểu rõ kinh điển, giáo giới cho Tỳ-kheo nhỏ tuổi, vì họ mà chỉ bày tội phước nhưng bọn họ không chịu nghe theo, khi chết phải đoạ vào địa ngục.

7. Điềm mộng thấy sư tử tên là Xí-tát đã chết, đầu mọc lông trắng như buộc đồ trang sức, ruồi nhặng, chim thú không dám lại gần. Trong thân sư tử sanh giòi, giòi lại ăn thịt của sư tử. Đó là khi ta còn tại thế giảng rộng kinh pháp, sau khi ta vào Niết-bàn sẽ không có ngoại đạo nào có khả năng phá hoại chánh pháp ấy, chỉ do hàng đệ tử mới có thể phá hoại được mà thôi.

Những điều ông mộng thấy hôm nay chỉ là những điềm xấu trong tương lai sẽ xuất hiện.

(Trích Kinh Thất Mộng Thập Thiện)

II. A-NAN BỊ MẸ CHIÊN ĐÀ LA DÙNG THÂN CHÚ BẮT GIỮ:

Một hôm, trên đường đi, Tôn giả A-nan quá khát nước, lúc đó có cô gái thuộc dòng Chiên-đà-la tên Bát-cát-đề đang múc nước. Tôn giả đến xin nước, cô gái đáp: “Tôi thuộc dòng Ma-đăng-già”.

Tôn giả nói: “Tôi không hỏi điều đó, chỉ xin cô nước uống thôi!”

Cô gái đáp: “Ngài thuộc dòng cao quý, đệ tử bậc nhất của Sa-môn Cù-đàm, được vua Ba-tư-nặc cung kính, là bậc thầy của Mặt-lợi-phu nhân. Còn tôi là kẻ thấp hèn, đâu dám đem nước cho Ngài”.

Tôn giả lại xin: “Tôi không hỏi điều ấy mà! Chỉ xin cô nước uống thôi”.

Cô gái bằng lòng. Trước hết, cô ta lấy tay khoát nước rưới lên chân của tôn giả rồi tiếp tục rưới lên tay của Ngài, khi đó cô gái liền phát khởi tâm dâm dục. Tôn giả uống nước xong đi ngay. Cô gái trở về thưa với cha mẹ: “Mẹ ơi, xin cho con được lấy Sa-môn A-nan làm chồng”.

Bà mẹ đáp: “A-nan là con của chuyển luân Thánh vương, thuộc họ Thích, dòng Sát-đế-lợi, đây là hàng cao quý, được trời người tôn kính. Còn dòng họ ta hèn mọn, làm sao cưới được ông ấy làm chồng?”

Cô gái hù dọa mẹ: “Nếu không lấy được ông ta, con sẽ uống thuốc độc hoặc dùng dao tự sát, hoặc sẽ thắt cổ chết”.

Bà mẹ bảo: “Thôi được, ta có thần chú Ma-đăng-già, có thể làm cho mặt trời lẫn mặt trăng rơi xuống đất, cũng có thể khiến cho thiên vương Đế-thích xuống trần gian, huống gì là Sa-môn? Mẹ sẽ khiến cho A-nan đến, trừ khi ông ta đã chết hoặc không có khả năng hành dâm, hay được Cù-đàm bảo vệ thì ta mới không thể bắt được ông ấy”.

Cô gái liền đi tắm rửa, trang điểm, mặc y phục màu trắng, trải các toạ cụ, thấp thỏm đón chờ A-nan.

Bấy giờ, bà mẹ lấy phân bò bôi lên đất, dùng lụa năm màu kết thành sợi, đựng đầy bốn bình nước, bốn bát nước bột mì, lấy bốn con dao lớn cắm trên phân bò, bốn góc đặt bốn mũi tên, đốt tám ngọn đèn, dùng bốn đầu lâu người chết bôi các mùi thơm lên đó, lấy hoa rải trên đất, đốt một chậu hương, nhiều quanh ba vòng, rồi quỳ xuống hương về phía Đông tụng chú Ma-đăng-già.

Lúc đó Tôn giả A-nan đang ở trong rừng Kỳ-hoàn, tâm ý hoảng hốt vì bị ma chú trói buộc giống như cá bị mắc câu, nên Ngài theo ma lực thần chú đến nhà Chiên-đà-la.

Bà mẹ liền gọi con gái “A-nan đến rồi đấy”.

Lúc đó cô gái bước đến, ôm lấy A-nan, dìu ngồi lên giường, kéo áo ra, vuốt ve A-nan, giống như lực sĩ tay nắm sợi lông dài, kéo con dê nhỏ bước theo. A-nan nhìn thấy mười phương đều tối tăm, giống như mặt trời mặt trăng đều bị thần chú che khuất. A-nan có thần lực của bậc đại nhân, đáng với sức mạnh của mười vị đại lực sĩ, thế mà cũng không thể cử động được. Bấy giờ A-nan cố gắng vận dụng niệm lực Thánh đạo, thầm gọi: “Con đang nguy khốn, Thế Tôn đại từ, sao không thương xót con.”

Lập tức Phật biết được tâm A-nan, Ngài liền nói kệ:

Phật tôn quý nhất trên đời

Thế gian nhất định không người vượt qua

*Phật tôn quý nhất Sa-Bà
 Phước điền vô thượng vượt xa mọi đường
 Pháp môn cao cả không lường
 Không gì có thể sánh hơn pháp này
 Trời người đều phải nương đây
 Đoạn trừ kiết sử, lìa dây não phiền
 Tăng là đoàn thể Thánh hiền
 Tối cao trong các phước điền thế gian
 Không ai có thể sánh bằng
 Tuyệt vời bậc nhất giữa hàng nhân thiên.*

Tôn giả A-nan theo thật nghĩa này tức khắc thoát khỏi nhà của Chiên-đà-la. Khi Thế tôn vừa nói kệ xong, tất cả thần chú trong nhà họ tiêu tan, các thứ khí cụ đao tên đều bị bể gãy, bình nước chú tan vỡ, đèn tắt, đầu lâu nát vụn. Hắc phong nổi lên, xoay vần che phủ không thấy mặt nhau, chú thuật của Chiên-đà-la không còn linh nghiệm nữa. Bà mẹ liền bảo con gái mình: “Đây chắc chắn do thần lực của Sa-môn Cù-đàm, mới khiến cho các món khí cụ này phải vỡ nát, thần chú hết linh nghiệm”.

Tôn giả A-nan thầm nghĩ: “Đó là lực từ của đức Thế Tôn”.

Tôn giả thoát khỏi ma chú, giống như tượng chúa sáu mươi tuổi sung sức, điên cuồng hung ác, thân to ngà dài, thoát được móc sắt, lao ra khỏi thành, đến nơi hoang vắng, lúc này A-nan cũng thế, khi đức Thế tôn nói kệ xong, Tôn giả thoát được ma chú, trở về tinh xá Kỳ hoàn. Bấy giờ cô gái đó đuổi theo Tôn giả đến cửa Kỳ hoàn, liên tục gọi lớn “A-nan là chồng tôi! A-nan là chồng tôi!” cô ta tiếp tục chạy theo bèn gót tôn giả. A-nan thưa rõ với Phật. Phật bảo: “Trong các pháp của ta, không thấy có những điều huyền hoặc như vậy”.

Rốt cuộc cô gái đành bỏ về. Nhưng cô ta bị tâm dâm trói buộc, không quên được A-nan. Một hôm, theo thường lệ, A-nan đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, cô gái này cũng chạy theo sau Ngài và bảo với các trưởng giả: “A-nan là chồng tôi! A-nan là chồng tôi!”

Tôn giả quay về bạch Phật, Phật bảo: “Ông nên đến bảo cô ta, hãy xem nhau như tình chị em. Vì sao? Bởi cô gái này sẽ trở thành Tỳ-kheo-ni.”

Bấy giờ cô gái đến Tinh xá bạch Phật: “Xin đức Thế Tôn hãy trả chồng cho tôi!”

Phật bảo: “Nếu cô cần A-nan thì hãy ở trong pháp ta làm Tỳ-kheo-ni, ta sẽ trả A-nan”.

Cô ta vui vẻ trở về, từ giã song thân. Cha mẹ cô hoan hỉ, họ vốn đã gieo trồng căn lành nên sẽ đắc đạo. Cô gái và cha mẹ cùng đến chỗ đức Phật. Ngài giảng rõ pháp cho họ nghe, dùng vô số phương tiện để diễn bày nghĩa của các pháp, nhu nhuyễn, bố thí, giới luật, sự bất tịnh của dâm dục, sự tăng trưởng các kiết sử phiền não, công đức xuất gia, các phẩm đạo. Ngài lại giảng bốn Thánh đế.

Bấy giờ cô gái này ngay đó tỏ ngộ được Thánh đế. Cha mẹ cô đắc quả A-na-hàm. Cô ta cũng đắc quả Tu-đà-hoàn, giống như áo lụa trắng tinh dễ nhuộm màu. Lúc ấy cha mẹ cô quy y Tam bảo, làm vị ưu-Bà-tắc, họ liền đảnh lễ Phật và A-nan, sám hối tội ngu si của mình. Cô gái xin làm Tỳ-kheo-ni, nương theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh. Phật bảo tôn giả A-nan: “Ông hãy bảo hai vị Tỳ-kheo-ni đưa cô gái Bát-cát-đề này đến chỗ Cù-đàm-di, cho cô ấy xuất gia và truyền giới cụ túc”.

Đại-ái-đạo hỏi tôn giả A-nan: “Thưa tôn giả, tại sao đức Thế Tôn lại chấp nhận cho cô gái Chiên-đà-la này vào trong giáo pháp?”

Tôn giả trình bày rõ với Cù-đàm-di, sau đó bà liền cho cô gái cạo tóc thọ giới. Không bao lâu chứng được quả A-La-hán.

(Trích kinh Giới Nhân Duyên quyển ba, kinh Ma Đăng Già Nữ)

12. PHẬT THỌ KÍ ĐỜI VỊ LAI CỦA CON BÒ CHO SỮA:

Bấy giờ Phật ở nước Xá-vệ. Một hôm Ngài có chút cảm mới bảo A-nan: “Ông hãy đến nhà Bà-la-môn xin sữa bò”.

Tôn giả vâng lời đi xin sữa. Khi đến nơi, Bà-la-môn nói: “Sữa ở trong con bò, Ngài hãy đến tự vắt lấy”.

Tôn giả liền đến chỗ con bò. Con bò này thường hay đá đập nên không ai dám đến gần. A-nan thầm nghĩ: “Ta theo pháp hầu thầy, bắt đắc dĩ mới vắt sữa bò”.

Lúc đó trời Đế thích hoá làm vị Bà-la-môn, khoác chặn đứng cạnh con bò. Tôn giả xin vắt sữa. Bà-la-môn đáp: “Vâng!”

Tôn giả dùng tay phải xoa vú bò mà nói: “Phật bị cảm nhẹ, người hãy cho ta sữa để Phật dùng. Khi Phật hết bệnh người sẽ được phước nhiều không kể xiết”.

Bò đáp: “Tôn giả lấy tay xoa vú thì làm sao sữa chảy nhiều được? Tôn giả hãy nắm hai cái vú của tôi vắt lấy sữa, hai vú còn lại để cho con tôi bú, từ sáng đến giờ nó chưa ăn uống gì cả”.

Chú bê con đứng cạnh mẹ, khi nghe nói đến tiếng Phật liền thưa: “Mẹ hãy đem hết phần sữa của con dâng cho Phật. Vì Ngài là bậc thầy cao cả của trời người, rất khó được gặp. Con sẽ tự ăn cỏ, uống nước là

được rồi. Thuở xưa con làm người, nghe theo bạn ác, không tin kinh Phật, khiến cho con phải làm thân trâu ngựa suốt mười sáu kiếp. Đến nay, con mới lại được nghe tiếng Phật. Giờ mẹ hãy đem hết phần sữa của con dâng cho đức Phật, để Tôn giả được đầy bình mang về, khiến cho con đời sau có trí tuệ, tu hành đắc đạo”.

Tôn giả ôm bình sữa về. Phật hỏi: “Hai mẹ con bò nói gì?”

Tôn giả thuật lại mọi chuyện. Đức Phật nói: “Đời sau, khi Phật Di-lặc xuất thế, con bò mẹ sẽ làm Sa-môn, chứng quả A-La-hán. Còn bò con, sau khi chết sanh làm người, sẽ treo lụa rải hoa, đốt hương cúng dường ta, thọ trì kinh giới suốt hai mươi kiếp, cuối cùng chứng quả A-La-hán, làm Phật độ thoát muôn dân.

(Trích kinh Độc Tử)

13. A-NAN GIÁO HOÁ VUA BA TƯ NẶC:

Bấy giờ ở nước Xá-vệ gặp năm mất mùa đói khát, các Tỳ-kheo đều muốn tản đi nơi khác để làm lễ Tự tứ. Tôn giả A-nan nói: “Nếu các vị đến nước khác để làm lễ Tự tứ thì vô số người ở đây mất đi nguồn gốc gieo trồng công đức. Giả sử có Như Lai ở lại đây thì nhiều nơi trong nước Xá-vệ được an ổn”.

Vua Ba-tư-nặc nghe tin, liền đến xin cúng dường Phật và chúng Tăng ba tháng.

Phật bảo: “Vào thời quá khứ, quốc vương Ba-la-nại tên là Phạm-đạt, có uy đức lớn, danh tiếng vang khắp mọi nơi. Bấy giờ trong nước dân chúng đói khát, người xin ăn rất nhiều. Nhà vua thương xót bố thí, nhân dân khắp nơi kéo về đông như mây tụ. Vì trời đã lâu không mưa, gạo thóc càng khan hiếm, nhân dân đói quá, người ăn xin ngày càng đông, khiến cho kho lẫm của vua trống rỗng. Các đại thần xin vua ngưng bố thí, vua bảo: “Nếu ngưng như vậy thì trái với bốn tâm của ta, ta nữ nào làm thế!”

Bấy giờ, các vị quan bố cáo khắp nơi: “Người nào dám đi xin ăn sẽ bị đuổi hết ra khỏi đô thị”.

Những người xin ăn nghe vậy buồn bã. Một hôm, có vị phạm chí vào cung xin gặp nhà vua, vua hỏi là ai, các đại thần thưa: “Người này từ phương xa đến”.

Nhà vua cho triệu phạm chí vào, vua hỏi: “Ai bảo ông đến đây?”

Phạm chí đáp: “Cái bụng sai tôi đến”.

Lúc ấy nhà vua thương xót dùng kệ đáp:

Bố thí ngàn bê con

Cùng với trăm bò mẹ.

Phạm chí ấy nay chính là A-nan.

(Trích Sanh Kinh quyển ba, kinh Phúc Sử phần lớn giống như vậy)

14. A NAN THỬ TỖ-KHEO SƠN HƯƠNG VÀ HỎI VUA A DỤC:

Bấy giờ A-nan cùng với hai vị Tỳ-kheo đến nước vua A-dục. Tỳ-kheo Sơn-hương đang ở trong rừng tùng, hoa thơm tự bay đến, linh reo như tiếng gọi. Lúc ấy Tỳ-kheo Sơn-hương không biết duyên cớ gì nên hương về bốn phương làm lễ rồi quay vào trong trai đường tụng kinh.

Tôn giả A-nan cùng hai Tỳ-kheo hoá làm một người ăn xin, lại dẫn theo ba trăm người ăn xin khác cùng đến xin ăn. Tỳ-kheo Sơn-hương liền nấu cơm cho mọi người dùng. Khi họ ăn cơm xong thì lại đòi áo mặc, Tỳ-kheo liền chạy mượn áo cho họ, thế nhưng họ không chịu mặc lại bỏ đi.

Cứ như thế, Tỳ-kheo Sơn-hương sớm tối cung dưỡng cho họ, nhưng họ không may đều mang bệnh. Tỳ-kheo lại sớm tối đốt hương cúng dường cầu phước, làm thuốc chữa bệnh cho họ. Thế nhưng, chẳng bao lâu thì cả ba trăm người ăn xin này đều qua đời. Tỳ-kheo lại đi xin áo quan, tắm rửa tắm liệm cho họ.

Bấy giờ, vua A-dục nghe được tin liền sai người đến mai táng. Vài ngày sau đó, tôn giả A-nan cùng hai vị Tỳ-kheo hóa làm ba người thư sinh, ăn mặc nghiêm trang, họ cùng nhau đi đến rừng tùng. Tỳ-kheo Sơn-hương liền đi ra giảng đường, trải toà đón tiếp họ.

Ba thư sinh ấy hỏi Sơn-hương: “Ông phụng thờ Phật đạo là muốn cầu gì?”

Sơn-hương đáp: “Phật đạo là đạo thần kì, trong cõi trời đất này chỉ có thần đạo của Phật là cao cả, tôi phụng thờ Phật đạo là muốn đem Phật đạo cứu độ mọi người và mọi loài chúng sanh chứ không cầu gì khác.”

Ba thư sinh nói: “Phật đạo chẳng phải là đạo thần kì, bất quá là như hư không mà thôi! Trong nhân gian, rất ít người theo, sao ông lại ngu si, chạy theo người khác mà phụng sự Phật đạo vậy?”

Sơn-hương đáp: “Lời của các ông nói là sai lầm, Phật đạo là đạo tối cao, chẳng phải chỗ mọi người thấy được. Sự biến hóa phi thường, chẳng phải điều mà mọi người biết được, vì họ ngu si nên chẳng biết đến. Nói Phật như hư không là tội của các ông”.

Ba thư sinh nghe lời ấy liền nổi giận: “Ông phụng thờ Phật đạo chẳng phải là trái nghịch với lòng người hay sao? Chi bằng ông theo ta làm nô tỳ, có được không?”

Sơn-hương đáp: “được thôi!”

Ba thư sinh nói: “Nếu ông làm nô tỳ mà không giỏi giang, trung thành thì ta sẽ bắt ông vác phân, ông phải một mình vác đủ một trăm tảng phân, nếu không thì ta sẽ chặt đầu ông”.

Sơn hương đi vác phân, nhưng không thể vác đủ số lượng nên phải đành lui về tạ tội với các thư sinh: “Sức lực của ta đã kiệt không thể vác nổi nữa, nay xin nhận chịu tội như trước đã hứa”.

Ba thư sinh liền nổi giận, họ lấy dây trói Sơn-hương lại rồi quất ba trăm roi. Đánh xong, bỗng nhiên họ biến đi đâu mất. Bấy giờ Tôn giả A-nan lại hóa làm vị Ưu-Bà-tắc, vị ấy đến bảo Sơn-hương: “Ba thư sinh kia là kẻ vô đạo, sao ông không báo cho vua biết để trị tội chúng nó?”

Sơn-hương nói: “Đây là lỗi của tôi mới đến nỗi như vậy, người phụng thờ Phật đạo thì chẳng yêu tiếc điều gì, nếu xin đầu thì cho đầu, xin thân cho thân, nay tôi chỉ vác phân mà bị roi vọt, như vậy thì đâu có đáng gì”.

Tôn giả A-nan cùng hai vị Tỳ-kheo hóa làm vua A-dục. Nhà vua bảo Sơn-hương: “Phụng thờ Phật đạo chắc chắn chẳng có ích lợi gì đâu, khổ nhọc mà thêm uống công vô ích mà thôi. Con người sống trên đời chỉ trong khoảnh khắc là hết đời, cần gì phải khổ nhọc, siêng năng phụng thờ kinh điển ấy. Giờ ta muốn cùng ông bàn bạc một điều, ông phải nghe theo, nếu không thì ta sẽ giết”.

Sơn-hương hỏi: “Đại vương muốn bàn việc gì?”

Vua nói: “Ta có đứa con yêu quý, tài giỏi hơn người, nhan sắc xinh đẹp, tay như con ong. Ta rất thích đạo nhân vì là người hiền hoà, ta muốn gả con gái cho ông, vì thế mà đến đây hỏi ý kiến, chắc ông sẽ vâng theo”.

Sơn-hương đáp: “Tôi biết ý tốt của đại vương, nhưng tôi phụng thờ Phật pháp đã nhiều năm nhưng công đức chưa thành tựu, ngược lại muốn con gái của đại vương, như thế là làm sỉ nhục Phật đạo, tội ấy rất lớn. Nếu đại vương có giết, tôi bằng lòng chịu chết”. Nhà vua liền sai người dẫn Sơn-hương ra chợ chém đầu. Sơn-hương vào lễ Phật để ra đi, nhưng khi quay lại vái chào nhà vua thì mới hay là Tôn giả A-nan.

Bấy giờ Tỳ-kheo Sơn-hương bước tới đánh lễ sát chân, Tôn giả đỡ ông ta dậy. Sơn-hương thỉnh Tôn giả an tọa và cùng hỏi thăm nhau.

Tôn giả hỏi Tỳ-kheo Sơn-hương: “Công đức của ông đã thành

tự, ông sẽ đắc đạo, ta cố ý đến đây để thử ông, xem xét ý chí của ông đấy”.

Tỳ-kheo Sơn-hương bước xuống tòa thưa: “Con là kẻ vô tri, thọ nhận ân đức của Phật, được ở trong Phật pháp mà không thể làm cho tốt đẹp để nhọc lòng Tôn giả phải lo lắng”.

Tôn giả A-nan đem giáo pháp truyền dạy cho Tỳ-kheo Sơn-hương, cả hai cùng lên lầu cao tụng kinh giảng nghĩa, khiến cho Sơn-hương được an lạc vui vẻ.

Bấy giờ vua A-dục đi đến đánh lễ Tôn giả A-nan, Tôn giả hỏi: “Đại vương, kinh Phật có bao nhiêu quyển?”

Vua đáp: “Kinh Phật rất nhiều không thể tính kể, hiện nay có mười hai bộ kinh gồm tám vạn bốn ngàn quyển”.

Tôn giả A-nan lại hỏi: “Đại vương đã thọ trì được bao nhiêu quyển?”

Vua đáp: “Thưa tôn giả, con đã tụng được một vạn hai nghìn quyển kinh Tam-muội, mười hai nghìn quyển kinh Bát-nhã-ba-la-mật”.

Tôn giả lại hỏi: “Đại vương tụng đọc kinh đã nhiều, vậy có biết trời đất cách nhau mấy dặm không?”

Vua đáp: “Kinh đại phẩm Tam-muội ghi, trời đất cách nhau tám mươi một vạn dặm”.

Tôn giả A-nan lại hỏi: “Đất có mấy loại?”

Vua đáp: “Kinh Bát-nhã-ba-la-mật ghi, đất có tám mươi một thành, trong thành có con người sinh sống. Ở thành phía Bắc, người cao mười trượng. Người ở thành trung tâm cao tám trượng. Người ở thành phía Nam cao ba trượng”.

Tôn giả lại hỏi: “Đại vương có biết kiếp trước của mình là ai không?”

Vua đáp: “Con không thể biết số kiếp lâu xa, chỉ biết việc gần; đó là con đã từng vào địa ngục, từng lên trời, từng siêng năng khổ nhọc, cũng có lúc làm nô tỳ, làm súc sanh, đã vào trong lửa đỏ, có khi làm việc thiện, theo người làm thiện. Khi được làm vua, đã thấy được những việc khổ nhọc nên không dám làm ác”.

Tôn giả A-nan lại bảo: “Đại vương trước đây đã từng làm Tỳ-kheo tên là Đề-đầu-la, là đệ tử của Phật Đề-hòa-yết. Còn Sơn-hương là Tỳ-kheo Tu-bạt, đệ tử của Phật Thích-ca-văn. Từ khi đức Thích-Ca vào Niết-bàn đến nay, ta một mình cô quạnh, thọ trì Phật pháp không được kiên cố, vì vậy đã gây nên những tội lỗi này, trải qua nhiều năm chẳng có biết nhau.”

Xưa kia ta cùng Sơn-hướng sanh trong một gia đình trung lưu, ta là anh, Sơn-hướng là em, anh em thường yêu thương lẫn nhau, ra vào quần quýt. Kiếp sau, sanh ra anh em chẳng còn biết nhau. ta làm quốc vương, đời sau của Sơn-hướng ta cũng không biết. Cứ như thế, nhiều lần đổi thay, sanh thân giả tạm, kiếp số không thể tính kể, nay ta biết mình đã thoát khỏi sanh tử. Tôn giả A-nan liền thọ kí đạo quả A-La-hán cho vua A-dục
(Trích kinh A-nan Biến Hiện)

